

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 – TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BẢN ÁN SỐ: 205/2026/DS-ST

Ngày: 29/5/2026

V/v “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Nguyễn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ninh.

2. Bà Trần Thị Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 665/2025/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 261/2026/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2026, theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 101/2026/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q (V1); địa chỉ: Tầng A và tầng B Tòa nhà S, số A P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H – chức vụ: Giám đốc trung tâm xử lý nợ.

Người đại diện theo ủy quyền lại của bà H: Anh Phan Xuân H1, chức vụ: cán bộ ngân hàng; chị Lê Châu Hoàng U, chức vụ: cán bộ ngân hàng; anh Nguyễn Anh Đ, chức vụ: cán bộ ngân hàng; anh Nguyễn Đức M, chức vụ: cán bộ ngân hàng (theo văn bản ủy quyền ngày 15/8/2025); chị Hoàng U có mặt.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị Bích N, sinh năm 1981; địa chỉ: khu phố A, phường T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 09/12/2020, **Ngân hàng V1** và chị **Lê Thị Bích N** có ký kết hợp đồng tín dụng số 8933001.20, cụ thể:

- + Số tiền cho vay: 530.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Mua xe ô tô hiệu Mazda 3, Biển số 70A-285.88 theo Hợp đồng mua bán xe ô tô số 380/2020/HĐMB-MAZDA-GD ký ngày 04/12/2020 giữa bên được cấp tín dụng và **Công ty Cổ phần Ô.**
- + Thời hạn vay: 84 tháng, từ ngày 10/12/2020 đến ngày 09/12/2027;
- + Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 8,9%/năm, Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + biên độ 4.1%/năm) và chỉ được áp dụng trong thời hạn 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 4.1%/năm;
- + Trả nợ gốc, lãi: hàng tháng vào ngày 10;
- + Kỳ trả đầu tiên 10/01/2021, mỗi kỳ trả 6.300.000 đồng, số còn lại trả vào cuối kỳ 09/12/2027;
- + Trả phí: theo quy định của **V1** từng thời kỳ;
- + Lãi quá hạn bằng 150 % lãi trong hạn.

Thực hiện đúng hợp đồng, ngày 09/12/2020 **Ngân hàng V1** đã giải ngân đủ số tiền 530.000.000 đồng cho chị **N** theo Đơn đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số 8933001(1).20.

- Căn cứ Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ký ngày 22/02/2021, **Ngân hàng V1** đồng ý cấp cho chị **N** 01 thẻ tín dụng, cụ thể:

- + 01 thẻ Rewards Unlimited, hạn mức 30.0000.000 đồng;
- + Lãi suất, phí: theo bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB.

- Tài sản đảm bảo cho khoản vay: 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda, số loại 3 15G, biển kiểm soát số 70A-285.88 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 046652 do **Phòng C1 Công an tỉnh T** cấp ngày 08/12/2020 cho chị **Lê Thị Bích N**. Tài sản này được thế chấp tại **Ngân hàng V1** theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 3694061.20 ngày 09/12/2020 và tài sản bảo đảm trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, chị **N** đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp đã ký, khoản vay đã quá hạn thanh toán từ ngày

11/01/2023 và đang xếp loại nợ nhóm 5 nợ xấu theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 11/2021/TT-NHNN của **Ngân hàng N3**.

Chị **N** đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 249.309.431 đồng (trong đó gốc là 151.200.000 đồng, lãi là 98.109.431 đồng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (29/5/2026), chị **N** còn nợ lại Ngân hàng số tiền 679.027.539 đồng, trong đó nợ gốc là 378.800.00 đồng, lãi trong hạn 111.020.767 đồng, lãi quá hạn 179.510.632 đồng; thẻ tín dụng: chị **N** còn nợ lại tổng cộng 9.696.140 đồng, nợ gốc 3.263.805 đồng, lãi quá hạn 1.619.787 đồng, phí 4.812.548 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu chị **N** phải trả số tiền trên cho Ngân hàng, trường hợp chị **N** không trả hoặc trả không đủ số nợ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp và đề nghị phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

*Bị đơn chị **Lê Thị Bích N** được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án nên không có văn bản trình bày.*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vào nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **TMCP Q VIB** “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bà **Lê Thị Bích N**. Buộc bà **N** có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc của 02 khoản vay là 382.063.805 đồng và lãi suất theo theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật nếu không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Dương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: **Ngân hàng TMCP Q** (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) tranh chấp hợp đồng tín dụng đã ký kết với chị **Lê Thị Bích N**, địa chỉ: **khu phố A, phường T, tỉnh Tây Ninh**. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn là chị **Lê Thị Bích N** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị **N**.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về số tiền nợ gốc*: Xét hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa các bên ngày 09/12/2020, Ngân hàng cho chị **N** vay 530.000.000 đồng và việc **Ngân hàng V1** cấp cho chị **N** 01 thẻ tín dụng Rewards Unlimited, hạn mức 30.0000.000 đồng, các bên xác lập và ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có hình thức, nội dung, mục đích không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện theo đúng cam kết. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, chị **N** chỉ thanh toán được một phần nghĩa vụ nợ là số tiền 249.309.431 đồng (trong đó gốc là 151.200.000 đồng, lãi là 98.109.431 đồng tính đến ngày 15/5/2025), sau đó thì không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng như hợp đồng đã ký kết, như vậy, chị **N** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã xác lập với Ngân hàng. Do đó, tính đến ngày 29/5/2026, chị **N** còn nợ lại Ngân hàng số tiền gốc (bao gồm hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng) là 378.800.00 đồng và nợ thẻ tín dụng số tiền nợ gốc là 3.263.805 là sự thật.

[2.2] Về lãi suất: Căn cứ vào khoản 2 Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 quy định “...*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng*”. Xét thỏa thuận về lãi suất trong các hợp đồng trên không trái với quy định của (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024 cũng như quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng tại thời điểm ký kết hợp đồng nên có hiệu lực. Tính đến ngày 29/5/2026, chị **N** còn nợ lại Ngân hàng số tiền lãi là 180.985.026 đồng (trong đó có lãi trong hạn 111.020.767 đồng, lãi quá hạn 179.510.632 đồng) theo hợp đồng tín dụng và nợ thẻ tín dụng số tiền lãi quá hạn 1.619.787 đồng, phí 4.812.548 đồng.

[2.3] Từ những nhận định nêu trên, do chị **N** vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên **Ngân hàng V1** khởi kiện đòi lại số nợ gốc và tiền lãi theo hợp đồng đã ký kết là có căn cứ, phù hợp tại khoản 2 Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức Tín dụng. Buộc chị **N** có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền 679.027.539 đồng, trong đó tiền gốc là 382.063.805 đồng, tiền lãi trong hạn 111.020.767 đồng, lãi quá hạn 181.130.419 đồng, phí 4.812.548 đồng.

[2.4] Kể từ ngày 29/5/2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất

các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.5] Trường hợp chị **Lê Thị Bích N** không trả được nợ cho **Ngân hàng TMCP Q** thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan pháp luật có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp của chị **N**: 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda, số loại 3 15G, biển kiểm soát số 70A-285.88 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 046652 do **Phòng C1 Công an tỉnh T** cấp ngày 08/12/2020 cho chị **Lê Thị Bích N** để thu hồi nợ. Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì chị **N** phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Căn cứ theo quy định tại Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, **Ngân hàng TMCP Q** không phải chịu, hoàn trả cho Ngân hàng 13.292.229 (mười ba triệu, hai trăm chín mươi hai nghìn, hai trăm hai mươi chín) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011207 ngày 07/11/2025 của Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Chị **Lê Thị Bích N** phải chịu 31.161.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 93, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức Tín dụng năm 2024; Điều 298, khoản 7 Điều 323 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP Q (V1)** đối với chị **Lê Thị Bích N** về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

1.1. Buộc chị **Lê Thị Bích N** có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng TMCP Q (V1)** số tiền 679.027.539 đồng, trong đó tiền gốc là 382.063.805 đồng, tiền lãi trong hạn 111.020.767 đồng, lãi quá hạn 181.130.419 đồng, phí 4.812.548 đồng.

1.2. Kể từ ngày 29/5/2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

1.3. Trường hợp chị **Lê Thị Bích N** không trả được nợ cho **Ngân hàng TMCP Q** thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan pháp luật có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp của chị **N**: 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda, số loại 3 15G, biển kiểm soát số 70A-285.88 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 046652 do **Phòng C1 Công an tỉnh T** cấp ngày 08/12/2020 cho chị **Lê Thị Bích N** để thu hồi nợ. Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì chị **N** phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng.

2. Về án phí:

2.1. **Ngân hàng TMCP Q** không phải chịu, hoàn trả cho Ngân hàng 13.292.229 (mười ba triệu, hai trăm chín mươi hai nghìn, hai trăm hai mươi chín) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011207 ngày 07/11/2025 của Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

2.2. Chị **Lê Thị Bích N** phải chịu 31.161.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn N1 Trần Thị Thúy Nguyễn Chí Nguyễn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 12;
- P.THADS khu vực 12;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Nguyễn

**Thành viên Hội
đồng xét xử Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Mặt khác, trong quá trình làm việc, bà **T**, chị **M1**, anh **R** đều thống nhất: cụ **C**, cụ **N2** có cho ông **R1** phần đất ở, liền kề với phần đất của bà **T**, nhưng bà **T** đã bán phần đất này để có tiền xây nhà và chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng anh **R**, chị **M1**. Và hiện tại, anh **R**, chị **M1** cũng được thừa hưởng từ cụ **N2**, cụ **C** một phần đất ruộng diện tích khoảng 50 cao.

